

Số: 39 /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2014

KẾ HOẠCH

Dự toán ngân sách Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang năm 2015

Thực hiện Công văn số 168/BKHCN-KHTH ngày 17/01/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2015; Công văn số 1964/BKHCN-ĐP ngày 30/5/2014 của Bộ KH&CN về việc đôn đốc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII; Chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch số 2304/KH-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020 (giai đoạn 2012-2015); Kế hoạch số 1921/KH-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện Nghị quyết 46/NQ-CP về KH&CN;

Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả hoạt động KH&CN đã đạt được trong năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2014 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2015 như sau:

A. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch và Dự toán ngân sách KH&CN

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN

1. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình áp dụng những văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN

Trong giai đoạn vừa qua, Bộ KH&CN đã phối hợp với các bộ, ngành ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN, do đó các địa phương có thể nghiên cứu, vận dụng cụ thể vào thực tiễn thuận lợi. Tuy nhiên do từ năm 2014, Luật KH&CN mới được ban hành có hiệu lực, kèm theo là việc ban hành các văn bản dưới luật thay thế những văn bản trước nên hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN có sự thay đổi. Một số văn bản Bộ KH&CN đang phối hợp với các bộ, ngành xây dựng dự thảo và hoàn thiện trong thời gian tới nên ở thời điểm hiện tại hệ thống văn bản chưa được điều chỉnh đồng bộ. Một số văn bản liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, chính sách hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu- ứng dụng KH&CN, hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho sản phẩm, dịch vụ,... chưa có hướng dẫn cụ thể nên địa phương gặp khó khăn trong việc tham mưu HĐND, UBND xây dựng cơ chế, chính sách.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012, UBND tỉnh Bắc Giang đã căn cứ vào Chương trình hành động của Chính phủ để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động của tỉnh. Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1921/KH-UBND ngày 29/7/2013 về việc thực hiện Nghị quyết 46/NQ-CP. Trong đó xác định việc tích cực chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương là một nội dung thiết yếu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp phải đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch. Chủ động xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-TW, Nghị quyết số 46/NQ-CP nhằm phát triển mạnh mẽ KH&CN, làm cho KH&CN thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết, tỉnh Bắc Giang đã có những chuyển biến rõ nét, hướng tới mục tiêu phát triển mạnh mẽ KH&CN, làm cho KH&CN thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần cùng với các địa phương trong cả nước đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN vào giữa thế kỷ XXI. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bảo đảm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển của địa phương. Xây dựng được một số sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ cao, tâm huyết, trung thực, tận tụy, xây dựng đội ngũ chuyên gia về KH&CN giỏi. Phát triển các tổ chức KH&CN. Xây dựng và phát triển doanh nghiệp KH&CN.

Thực hiện Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN quốc gia, Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN quốc gia và Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2304/KH-UBND ngày 04/10/2012 về việc thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (giai đoạn 2012-2015). Căn cứ vào những văn bản chỉ đạo trên, Sở KH&CN tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN của Chiến lược vào kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm của tỉnh. UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ

và chất lượng các nội dung công việc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN đảm bảo phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Các giải pháp phát triển KH&CN phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự nỗ lực của tất cả các cấp, các ngành. Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và có sự kiểm tra, báo cáo, giám sát thực hiện chặt chẽ. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các huyện, thành phố về phát triển KH&CN là động lực của phát triển kinh tế- xã hội. Kết hợp việc phát triển KH&CN với các nhiệm vụ trọng tâm khác mà ngành, địa phương đang thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Đẩy mạnh phát triển KH&CN nhằm hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược; góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa của đất nước theo hướng bền vững nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2020. Phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, nâng cao trình độ phát triển KH&CN của tỉnh lên mức trung bình của cả nước.

Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa và xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu, đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ KH&CN, nhất là áp dụng công nghệ về giống, công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến trong việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; ngăn ngừa và đổi mới các công nghệ gây ô nhiễm môi trường.

Triển khai thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 về doanh nghiệp KH&CN; Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 về hoạt động của các tổ chức KH&CN. Thực hiện hướng dẫn của Bộ KH&CN về việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN. Sở KH&CN đã có công văn gửi cơ quan có liên quan (Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Giao thông - Vận tải và các đơn vị sự nghiệp có hoạt động KH&CN) để đơn đốc thực hiện chuyển đổi theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và đã nhận được công văn trả lời. Theo đó, trên địa bàn tỉnh có 05 đơn vị sự nghiệp KH&CN thuộc diện chuyển đổi đó là: Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN, Trung tâm KH&CN&MT Hiệp Hòa thuộc UBND huyện Hiệp Hòa, Trung tâm KH&CN&MT Tân Yên thuộc UBND huyện Tân Yên. Đến nay, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng do không đủ điều kiện về cơ sở vật chất, biên chế, kinh phí hoạt động để thực hiện chuyển đổi theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP nên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án hoạt động theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế

và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; 02 đơn vị còn lại chưa có đề án phê duyệt chuyển đổi. Để các tổ chức KH&CN thực hiện chuyển đổi theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP đạt hiệu quả cao và đi vào thực tế đề nghị Bộ KH&CN, UBND tỉnh trình Chính phủ lùi thời gian hoàn thành thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP đến hết năm 2015.

3. Đánh giá tình hình xây dựng và ban hành văn bản triển khai Luật KH&CN

Sở KH&CN Bắc Giang đã rà soát, tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản về KH&CN, cụ thể: Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt dự án “*Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020*”; Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt “*Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Giang*”; Kế hoạch số 802/KH-UBND ngày 02/4/2014 về phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2014-2020; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 16/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2014, Sở KH&CN tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản, gồm: Quy định tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; Quy định thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh; Quy định hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh; Quy định mức chi kinh phí đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Đề án Quỹ phát triển KH&CN.

Tham mưu UBND tỉnh, Bộ KH&CN tổ chức thành công chuỗi hoạt động trình diễn và kết nối cung cầu khu vực Bắc Bộ năm 2014 trong 2 ngày 14-15/5/2014 tại thành phố Bắc Giang. Đây là một trong những hoạt động chính trong chuỗi các sự kiện do Bộ KH&CN tổ chức trong cả nước chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam 18/5; hướng tới mục tiêu phát triển thị trường công nghệ, thúc đẩy ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống. Đây cũng là cơ hội tốt để các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương đối thoại, đặt ra yêu cầu đối với cơ quan quản lý, viện nghiên cứu và nhà khoa học. Chương trình thu hút được sự quan tâm của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, mở ra cơ hội hợp tác, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong và ngoài tỉnh. Tỉnh Bắc Giang là tỉnh đầu tiên trong cả nước ký chương trình hợp tác 4 bên giữa UBND tỉnh Bắc Giang với Bộ KH&CN, Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Bên cạnh đó, tỉnh Bắc Giang còn ký chương trình phối hợp hoạt động KH&CN với Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, trường đại học Nông nghiệp Hà Nội. Sở KH&CN Bắc Giang ký chương trình phối hợp với Tổng công ty giống cây trồng Việt Nam, Sở KH&CN thành phố Hà Nội; ký thỏa thuận hợp tác 3 bên với Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ và Công viên công nghệ cao ULSAN của Hàn Quốc. Thông qua sự thành công của hoạt động trình diễn

và kết nối cung- cầu khu vực Bắc Bộ năm 2014 mở ra hướng hợp tác về KH&CN giữa tỉnh Bắc Giang với các tỉnh trong khu vực Bắc Bộ cũng như các tổ chức, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

II. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước

Giai đoạn 2013-2014 Bộ trưởng Bộ KH&CN đã phê duyệt 15 dự án KH&CN cấp Nhà nước triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Các dự án thực sự đem lại hiệu quả kinh tế xã hội, tạo ra chuỗi giá trị hàng hóa và thành vùng tập trung, từng bước nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác, tác động tích cực vào sự chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp tỉnh Bắc Giang. Các dự án có quy mô tương đối lớn như dự án cải tạo nương chè già cõi huyện Yên Thế được Trung ương hỗ trợ kinh phí 5 tỷ đồng, bước đầu hình thành vùng sản xuất chè tập trung nâng cao giá trị thu nhập cho người làm chè, tác động tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể gạo thơm Yên Dũng với quy mô 40 ha góp phần khẳng định thương hiệu gạo thơm Yên Dũng trên thị trường phù hợp với chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc xây dựng mỗi địa phương từ một đến hai sản phẩm chủ lực. Với dự án Ứng dụng tiến bộ KH&CN xử lý chất thải làm ô nhiễm môi trường tại làng nghề giết mổ gia súc Phúc Lâm, Việt Yên đã xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường ở làng nghề, giải quyết xong bức xúc của người dân, được chính quyền và người dân đánh giá cao.

Ngoài ra một số dự án đang triển khai có hiệu quả kinh tế cao như dự án sản xuất hoa chất lượng cao tại Bắc Giang; Trồng rừng thâm canh bạch đàn và keo tai tượng tại Bắc Giang; Xây dựng bản đồ nông hoá, thổ nhưỡng phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang, ... Đây là những dự án có quy mô lớn, góp phần đưa nhanh những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp hàng hóa và cung cấp cơ sở khoa học trong việc quy hoạch sử dụng đất hiệu quả cho địa phương.

Đặc biệt với Đề án “*Nghiên cứu giải pháp ứng dụng KH&CN bảo tồn kho mộc bản tại chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang*” sẽ giải quyết được vấn đề chống sự xuống cấp cũng như phát huy giá trị của Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm – di sản Ký ức Châu Á- Thái Bình Dương, giúp cho tỉnh có điều kiện hơn nữa phát triển du lịch tâm linh.

Sở KH&CN đã tổ chức kiểm tra tiến độ 18 lượt dự án, nghiệm thu 13 dự án KH&CN cấp nhà nước. Kết quả 1 dự án đạt loại xuất sắc, 10 dự án đạt loại khá, 2 dự án đạt yêu cầu. Kết quả nghiệm thu của các đề tài, dự án được Sở KH&CN công bố trên tạp chí KH&CN và Website của Sở.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Công tác triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được quan tâm. Giai đoạn 2013-2014, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục 27 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh. Số lượng và chất lượng hồ sơ tham gia tuyển chọn được nâng lên, các đề tài, dự án cấp tỉnh được triển khai đúng tiến độ, hiệu quả. Sở chú trọng mời

nhiều nhà khoa học đầu ngành của cả nước tham gia các hội đồng xét duyệt thuyết minh cũng như nghiệm thu đề tài, dự án, coi đây là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng đề tài, dự án, qua đó chất lượng hội đồng được nâng lên. Đây là cách làm mới, hiệu quả của Sở KH&CN Bắc Giang.

Việc kiểm tra các đề tài, dự án được thực hiện nghiêm túc. Các thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh đã dành nhiều thời gian tham gia kiểm tra cũng như hoạt động của Hội đồng, qua đó chất lượng Hội đồng KH&CN tỉnh cũng như việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN được duy trì nghiêm túc và đảm bảo tiến độ. Với nhiều cách làm mới, sáng tạo cũng như trách nhiệm của Sở đến nay nhiều đề tài, dự án đã góp phần hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung của tỉnh như vùng cam, chè, gà tại Yên Thế; cây dược liệu tại Sơn Động; giống lúa chất lượng cao tại Yên Dũng, Việt Yên; nấm tại Lạng Giang. Bên cạnh đó nhiều cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng được nghiên cứu- ứng dụng vào sản xuất và đời sống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, như: Điều trị bệnh liên cầu khuẩn ở cá rô phi đơn tính; Nuôi gà H'Mông tại huyện Sơn Động; Nghiên cứu nuôi cua Da ở huyện Yên Dũng; Sản xuất chế phẩm Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn; Nhân giống chuối tiêu hồng và khoai tây sạch bệnh,...

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục, y tế cũng được quan tâm với các nghiên cứu về bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc tỉnh Bắc Giang; nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Trung học cơ sở; giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức học sinh phổ thông; thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng của mẹ tới suy dinh dưỡng trẻ em tỉnh Bắc Giang và hiệu quả một số biện pháp can thiệp; thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình của cán bộ chủ chốt cấp xã ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay; lịch sử công tác Đảng, công tác Chính trị lực lượng vũ trang tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1945-2010; thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang,...

Việc nghiệm thu đề tài, dự án đảm bảo đúng tiến độ, không còn đề tài, dự án đã triển khai xong nhưng chưa được nghiệm thu. Sở KH&CN đã tổ chức kiểm tra tiến độ 81 lượt đề tài, dự án; nghiệm thu 44 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh. Kết quả 06 đề tài, dự án đạt loại xuất sắc; 35 đề tài, dự án đạt loại khá; 03 đề tài, dự án đạt loại đạt yêu cầu. Kết quả nghiệm thu của các đề tài, dự án được Sở KH&CN công bố trên tạp chí KH&CN và Website của Sở và thông báo cho các huyện, thành phố để áp dụng, nhân rộng.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Giai đoạn 2013-2014, Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt 94 mô hình, đề tài KH&CN cấp cơ sở. Tổ chức kiểm tra tiến độ và nghiệm thu 100% các mô hình, đề tài, dự án theo quy định. Nhiều mô hình có hiệu quả đã được ứng dụng, nhân rộng ra các địa phương hoặc đề xuất thành các dự án KH&CN cấp tỉnh. Ngoài kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh, các huyện, thành phố đã bố trí thêm kinh phí của đơn vị để thực hiện. Từ năm 2008-2013 các cấp, các ngành đã huy động được gần 836,536 tỷ đồng đầu tư cho KH&CN. Quy mô và hiệu quả các

mô hình, đề tài, dự án cơ sở được nâng lên giúp người dân tiếp cận được nhiều tiến bộ KH&CN, giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt tại địa phương như: ứng dụng thuốc trừ sâu thảo mộc Anisaf SH-01 trong sản xuất chè an toàn tại huyện Yên Thế; nghiên cứu, cải tiến, pha chế phối liệu đất chịu lửa để sản xuất bếp tiết kiệm nhiên liệu, xây dựng mô hình bếp hóa khí tiết kiệm nhiên liệu; xây dựng mô hình xử lý rác thải trong trường học, bệnh viện; nhân giống chim Trĩ tại huyện Lạng Giang; trồng giống lạc đỏ Bắc Giang tại huyện Yên Thế; trồng thử nghiệm dưa Nhật Hami trên địa bàn huyện Lục Nam,... Nhiều mô hình cấp cơ sở có hiệu quả được nhân rộng thành các dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp

Trong giai đoạn 2013-2014 tỉnh Bắc Giang không triển khai thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN địa phương để mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN.

4. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước

4.1. Về hoạt động quản lý công nghệ

Việc quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự nỗ lực cố gắng, trong thời gian qua Sở KH&CN đã chủ động đề xuất thẩm định công nghệ 07 dự án đầu tư. Theo kết quả nghiên cứu, trình độ công nghệ của tỉnh hiện nay ở mức trung bình. Sở đã gửi kết quả nghiên cứu cho một số doanh nghiệp lớn trong tỉnh tham khảo, nghiên cứu và có kế hoạch đầu tư công nghệ. Cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký 01 hợp đồng chuyển giao công nghệ. Tổ chức các lớp tập huấn để hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực Quản lý Công nghệ. Tổ chức kiểm tra hoạt động KH&CN tại 30 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, điều tra đánh giá hiện trạng công nghệ tại 100 doanh nghiệp. Bên cạnh đó Sở tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cho phép áp dụng 02 công nghệ xử lý khí thải lò gạch trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh về việc ứng dụng công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt. Kiểm tra 64 cơ sở, 118 lò gạch trong quá trình áp dụng công nghệ xử lý khí thải theo quy định của UBND tỉnh. Nhìn chung các cơ sở đều tuân thủ đúng quy định về chuyển giao công nghệ.

4.2. Về hoạt động Sở hữu trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Công tác quản lý Sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân, sáng kiến được đổi mới theo hướng hiệu quả, thiết thực. Tiến hành các thủ tục đăng ký, bảo hộ chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn tại 05 quốc gia: Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, đã có 3 nước Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản cấp văn bằng bảo hộ. Việc đăng ký chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn ở nước ngoài là việc làm cần thiết và cấp bách, vừa nhằm đảm bảo danh tiếng và uy tín vải thiều Lục Ngạn, nâng cao giá trị xuất khẩu, đồng thời tránh việc bị đánh cắp thương hiệu- một vấn đề đang nóng hiện nay trên thị trường. Bên cạnh đó Sở tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cho phép bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm gà

đôi Yên Thế tại một số nước như: Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Singapore. Như vậy đến năm 2014 Bắc Giang đã có 02 sản phẩm được bảo hộ tại nước ngoài, không những nâng cao giá trị sản phẩm mà vị thế, uy tín của tỉnh Bắc Giang cũng được khẳng định.

Công tác tuyên truyền sở hữu công nghiệp cũng như kỹ năng xử lý đối với các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp cũng được quan tâm. Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ nâng cao hiểu biết và thực hiện nhiệm vụ này. Hướng dẫn 16 cơ sở đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa; 09 tổ chức xác lập hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể. Đến 31/12/2013 toàn tỉnh đã có 804 đơn xin bảo hộ. Trong đó có 416 nhãn hiệu hàng hóa, 42 kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích và sáng chế được Nhà nước cấp văn bằng bảo hộ. Một số sản phẩm chủ lực, nổi tiếng như: Vải thiều Lục Ngạn, rượu Làng Vân, rượu Kiên Thành, mật ong Lục Ngạn, mỳ Ké, gạo thơm Yên Dũng, mỳ Chũ, vải sớm Phúc Hòa, gà đôi Yên Thế,...

Hoạt động an toàn bức xạ được quan tâm hơn, đã cấp mới và gia hạn 35 cơ sở sử dụng X Quang trong y tế; thẩm định, cấp mới và gia hạn hoạt động cho 30 cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn bức xạ. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin trong lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh bằng phần mềm ArcGis trên nền đồ kỹ thuật số giúp cho các nhà quản lý biết và có giải pháp xử lý những điểm có nguy cơ bức xạ hạt nhân cao. Tiến hành tập huấn về an toàn bức xạ, báo cáo kết quả an toàn bức xạ hạt nhân giai đoạn 2007-2012 và hiệu quả hoạt động sử dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong các ngành kinh tế- xã hội. Rà soát các nguồn phóng xạ ngoài tầm kiểm soát tại 4 khu vực mỏ của huyện Yên Thế Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng làm lợi cho doanh nghiệp, nhà nước nhiều tỷ đồng.

4.3. Về công tác Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được đẩy mạnh. Đã hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2013 đạt Giải vàng. Phối hợp với các ngành cung cấp sản phẩm “Gà đôi Yên Thế” cho thị trường Thành phố Hà Nội dịp tết Nguyên Đán Quý Tỵ 2013 với số lượng gần 3 triệu con. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cấp quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Gà đôi Yên Thế” cho UBND huyện Yên Thế. Hướng dẫn in, gắn tem nhãn đối với sản phẩm “Gà đôi Yên thế”, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu cho 20 cá nhân tiêu thụ và Hội chăn nuôi và tiêu thụ gà đôi Yên Thế; Kiểm tra việc sử dụng nhãn hiệu tại huyện Yên Thế và một số siêu thị, chợ đầu mối gia cầm tại Hà Nội. Giải quyết vướng mắc việc sử dụng nhãn hiệu “Gà đôi Yên thế”. Hướng dẫn 10 doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và đăng ký mã số mã vạch. Tiếp nhận, thẩm định 16 hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy, tư vấn cho 07 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Hỗ trợ 17 doanh nghiệp áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và có sản phẩm chứng nhận hợp chuẩn. Ban hành quy trình ISO thực hiện việc cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và hướng dẫn Công ty cấp thoát nước Bắc Giang thủ tục này. Kiểm tra cân đối chứng 46 chợ thuộc 10 huyện, thành phố; kiểm tra 200 cơ sở kinh doanh xăng dầu và 200 cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG. Công bố quy trình kiểm định xăng dầu mới ĐLVN

10:2013 thay thế ĐLVN 10:2011; kiểm tra đo lường hàng hóa đóng gói sẵn lưu thông trên thị trường.

Tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ quản lý đo lường, chất lượng trong kinh doanh dầu mỏ hóa lỏng (LPG) cho 42 học viên; hội nghị hướng dẫn, phổ biến văn bản về hoạt động kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ cho các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại 20 doanh nghiệp. Tham mưu ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xây dựng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đối với các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống nhà nước. Tổ chức triển khai xây dựng mô hình điểm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 tại huyện Việt Yên. Tổ chức họp Ban chỉ đạo ISO của tỉnh. Triển khai các nội dung của dự án Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp theo kế hoạch.

Xuất bản 15 số bản tin TBT giúp cơ quan quản lý nhà nước cũng như các doanh nghiệp tìm hiểu về thị trường xuất, nhập khẩu, các rào cản thương mại của các nước. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp sản xuất, xuất khẩu hàng hóa. Thực hiện *“Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011- 2015 của tỉnh Bắc Giang”*. Kiểm định 15.689 phương tiện đo, kết quả các phương tiện đạt yêu cầu kỹ thuật về đo lường. Kiểm nghiệm 987 mẫu hàng hóa, kết quả 01 mẫu rượu không đạt chỉ tiêu về hàm lượng eetanol theo tiêu chuẩn trên nhãn, 07 mẫu mì chính là hàng giả, 03 mẫu nước mắm không đạt chỉ tiêu về hàm lượng đạm theo tiêu chuẩn trên nhãn.

4.4. Về công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN, xây dựng phong trào quần chúng tiến quân vào KH & CN

Hoạt động thông tin KH&CN hiệu quả hơn trước, đã xây dựng và quản trị 03 trang thông tin điện tử của Sở nhằm tăng cường hướng dẫn tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người nông dân. Hiện nay 40 xã xây dựng nông thôn mới được trang bị máy vi tính được cài đặt thông tin KH&CN được bà con nông dân đánh giá cao, đến nay đã có trên 2 triệu lượt người truy cập, khẳng định hiệu quả của trang thông tin KH&CN. Xuất bản 12 số ấn phẩm Thông tin KH&CN với 8.400 cuốn; 12 số Chuyên san Nông thôn miền núi với 8.400 cuốn; 1.000 cuốn Quy trình khoa học kỹ thuật; 10.000 cuốn lịch KH&CN; xây dựng 16 Video clip KH&CN với cuộc sống. Phối hợp thực hiện 22 chuyên mục trên Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; 24 chuyên trang trên Báo Bắc Giang. Triển khai 3 cuộc điều tra hội nhập quốc tế về KH&CN, điều tra nhận thức công chúng về KH&CN. Tổ chức 02 hội nghị tập huấn nghiệp vụ báo chí cho các cộng tác viên và công tác thống kê cơ sở về KH&CN, 03 hội nghị, hội thảo giới thiệu về công nghệ, thiết bị và giới thiệu, phổ biến kiến thức về KH&CN trong xây dựng nông thôn mới.

Tham gia Chợ công nghệ và Thiết bị do Bộ KH&CN, UBND thành phố Hà Nội tổ chức. Tham gia trình diễn và kết nối cung cầu khu vực Bắc Bộ năm 2014 với 05 gian hàng giới thiệu sản phẩm, công nghệ của tỉnh Bắc Giang. Khai trương và duy trì hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ thiết bị tỉnh Bắc Giang, đến nay đã có 03 doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm giới thiệu tại sàn.

Công bố và lưu trữ 35 kết quả nghiên cứu- ứng dụng KH&CN đã được nghiệm thu. Triển khai dự án *“Tuyên truyền kết quả nghiên cứu, ứng dụng*

KH&CN và kiến thức Sở hữu trí tuệ trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh". Thực hiện chương trình "*KH&CN với cuộc sống*", chương trình "*Sở hữu trí tuệ với cuộc sống*" phát trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh.

4.5. Công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN trên địa bàn

Hoạt động thanh tra có bước đổi mới. Thanh tra chuyên đề hàng đóng gói sẵn theo định lượng tại 70 cơ sở. Nhìn chung các cơ sở sản xuất đã chấp hành quy định về nhãn hàng hóa, tuy nhiên còn một số hàng hóa thiếu nhãn, hàng hóa nhập khẩu không có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam, thiếu nội dung về ngày sản xuất, hạn sử dụng, định lượng hàng hóa,... Kết quả đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với 09 cơ sở, phạt 08 cơ sở với số tiền 12.200.000 đồng, cảnh cáo 01 cơ sở. Tổ chức thanh tra chuyên ngành về đồng hồ tính cước taxi đối với 04 doanh nghiệp vận tải, kết quả các doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Thanh tra 07 cơ sở về cân chìm điện tử từ 80 tấn trở lên và thanh tra về đo lường, chất lượng tại Công ty TNHH 1 thành viên cấp thoát nước Bắc Giang Tổ chức kiểm tra 26 mẫu tại 26 cửa hàng bằng phương pháp kiểm tra nhanh trị số ôc tan, kết quả cả 26/26 mẫu đạt yêu cầu. Phối hợp tham gia đoàn thanh tra liên ngành do Sở Công Thương chủ trì tại 115 cửa hàng kinh doanh xăng dầu, phát hiện 6 cửa hàng vi phạm, số tiền xử phạt hành chính là 68,5 triệu đồng. Riêng cửa hàng xăng dầu Đồi Nền có hành vi kinh doanh xăng kém chất lượng, mua bán xăng ngoài hệ thống phân phối đã đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm 100 triệu đồng, tịch thu 10.300 lít xăng và tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu 12 tháng. Phối hợp với Chi cục quản lý thị trường kiểm tra chất lượng phân bón tại 03 doanh nghiệp, tạm giữ 28 thùng phân bón kích thích sinh trưởng, 20 tấn phân bón NPK để phục vụ công tác giám định chất lượng và xử phạt vi phạm hành chính về ghi nhãn hàng hóa không đúng theo quy định với số tiền 3.500.000 đồng.

Triển khai thanh tra diện rộng chuyên đề về khí dầu mỏ hóa lỏng, xăng dầu theo chỉ đạo của Thanh tra Bộ KH&CN. Tiến hành thanh tra tại 40 cửa hàng trên địa bàn tỉnh. Đã xử phạt vi phạm hành chính 02 cửa hàng kinh doanh xăng dầu trong lĩnh vực đo lường và ghi nhãn hàng hóa với số tiền 24 triệu đồng.

Tổ chức kiểm tra đột xuất hàng đóng gói sẵn tại Công ty TNHH một thành viên thực phẩm Gia Thái, phát hiện vi phạm quy định về hàng đóng gói sẵn, xử phạt vi phạm hành chính 5 triệu đồng. Tiến hành thanh tra 01 đề tài đã kết thúc thời gian thực hiện, kết quả thực hiện theo đúng nội dung, mục tiêu, tiến độ đề ra. Đã tiếp nhận và giải quyết 01 đơn thư khiếu nại tố cáo của Công ty TNHH tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (đại diện cho Công ty Syngenta) kiện Công ty TNHH Việt Thắng vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, gửi hồ sơ đề nghị Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ giám định nhãn hàng hóa.

5. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Sở KH&CN được giao là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Bắc Giang theo Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 26.982.909.000 đồng;

- Kế hoạch vốn được giao từ đầu dự án đến nay: 25.403.496.000 đồng, trong đó:

- + Năm 2007: 120.000.000 đồng (vốn chuẩn bị đầu tư);
- + Năm 2009: 2.600.000.000 đồng (vốn cân đối ngân sách địa phương);
- + Năm 2010: 1.183.496.000 đồng (vốn cân đối ngân sách địa phương);
- + Năm 2011: 8.000.000.000 đồng (vốn cân đối ngân sách địa phương);
- + Năm 2012: 7.500.000.000 đồng (vốn cân đối ngân sách địa phương);
- + Năm 2013: 6.000.000.000 đồng (vốn cân đối ngân sách địa phương).

Trong kế hoạch vốn năm 2013, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2013 (nguồn vốn ngân sách tỉnh) cấp cho dự án còn 3.798.867.000 đồng, giảm 2.201.133.000 đồng. Như vậy lũy kế vốn đã bố trí cho dự án đến hết 31/12/2013 là 23.202.363.000 đồng.

Việc quản lý vốn được thực hiện đúng quy định, tính đến thời điểm báo cáo chủ đầu tư thực hiện kế hoạch giải ngân đạt 100% so với kế hoạch được giao.

- Giai đoạn 1: đã thanh toán cho nhà thầu xây lắp 86% giá trị hợp đồng; thanh toán cho cơ quan tư vấn quản lý công trình 65% giá trị hợp đồng; nhà thầu xây lắp đã thanh toán hoàn tạm ứng được 100% số vốn đã ứng.

- Giai đoạn 2: đã thanh toán cho nhà thầu xây lắp 80% giá trị hợp đồng; thanh toán 100% bảo hiểm công trình; thanh toán 100% giá trị hợp đồng của gói thầu xây lắp hệ thống điện và thiết bị trạm biến áp; thanh toán cho gói thầu phòng chống mối 100% giá trị hợp đồng; thanh toán cho cơ quan tư vấn quản lý công trình 50% giá trị hợp đồng.

Dự án đã tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất để Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN thực hiện tốt chức năng cầu nối chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KH&CN đưa vào sản xuất trên địa bàn tỉnh, đặc biệt chú trọng đến việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ sinh học. Trung tâm là nơi kiểm nghiệm, kiểm định tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa; đào tạo nâng cao trình độ tiếp thu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN cho cán bộ kỹ thuật và nhân dân trong tỉnh. Hiện tại công trình đã cơ bản hoàn thành và được đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả trong công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN. Nhiều đề tài, dự án KH&CN cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp cơ sở được triển khai tại Trung tâm phát huy hiệu quả và là nơi trình diễn tiến bộ KH&CN để cán bộ, nhân dân thăm quan, học tập.

6. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2013, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2014

6.1. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2013

6.1.1. Về thu ngân sách nhà nước

- Tổng giao thu ngân sách nhà nước năm 2013 là 365.000.000 đồng.
- Thực hiện thu năm 2013 là 828.000.000 đồng đạt 226,8% so với dự toán giao đầu năm.

6.1. 2. Về chi ngân sách nhà nước

- Tổng dự toán giao 29.865.270.077 đồng (gồm cả bổ sung và năm trước chuyển sang), trong đó gồm:

+ Kinh phí quản lý nhà nước: 6.185.000.000 đồng.

+ Kinh phí sự nghiệp khoa học: 23.636.968.077 đồng.

- Tổng kinh phí thực hiện quyết toán năm 2013: 26.967.347.892 đồng đạt 90,3% so với dự toán được giao.

(Có phụ biểu 13 chi tiết đính kèm)

6.2. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2014

6.2.1. Về thu ngân sách nhà nước

- Tổng giao thu ngân sách nhà nước năm 2014 là 595.000.000 đồng.

- Thực hiện thu 6 tháng đầu năm 2014 là 465.450.000 đồng đạt 78,2% so với dự toán giao đầu năm.

- Ước thực hiện năm 2014: 650.000.000 đồng

6.2.2. Về chi ngân sách nhà nước

- Tổng dự toán giao 28.322.000.000 đồng, trong đó gồm:

+ Kinh phí quản lý nhà nước: 6.462.000.000 đồng.

+ Kinh phí sự nghiệp khoa học: 21.860.000.000 đồng.

- Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014 là 6.661.000.000 đồng đạt 40,3% so với dự toán giao.

- Ước thực hiện năm 2014: 28.322.000.000 đồng

(Có phụ biểu 14 chi tiết đính kèm)

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Nhìn chung các nhiệm vụ công tác trong năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 đã được Sở KH&CN thực hiện đúng kế hoạch, một số nhiệm vụ nổi bật được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Công tác quản lý nhà nước về KH&CN được đẩy mạnh. Tích cực tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quản lý về KH&CN; công tác quản lý nhà nước lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hiệu quả hơn trước; công tác thanh tra, kiểm tra đi vào chiều sâu và đạt được nhiều kết quả.

Hoạt động triển khai đề tài, dự án nghiêm túc và hiệu quả hơn theo hướng tập trung, không dàn trải, tạo được nhiều thương hiệu hàng hóa góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, hàm lượng KH&CN đóng góp vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh rõ nét hơn. Nhiều đề tài, dự án có hiệu quả được ứng dụng, nhân rộng trong sản xuất giúp nâng cao năng suất chất lượng và bảo vệ môi trường. Đến nay không còn tình trạng đề tài, dự án chậm tiến độ thực hiện.

Cải cách thủ tục hành chính tại Sở KH&CN được chỉ đạo quyết liệt, nhất là trong vấn đề thanh quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN để tạo thuận lợi cho việc triển khai.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KH&CN còn một số khó khăn, tồn tại như sau:

Hoạt động thanh tra, kiểm tra có bước đổi mới nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng cần được tăng cường.

Mặc dù KH&CN đã có bước khởi sắc trong việc tác động vào năng suất, chất lượng sản phẩm tạo gia giá trị gia tăng lớn trong sản xuất, tuy nhiên so với yêu cầu chưa đáp ứng. Chưa tạo ra nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung làm biến đổi về chất trong sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, chưa tạo được nhiều sản phẩm KH&CN.

Tổ chức bộ máy quản lý KH&CN cấp huyện còn bất cập. Chưa thành lập nhiều doanh nghiệp KH&CN. Chưa có nhiều nhiệm vụ KH&CN có hàm lượng khoa học cao, có tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thị trường KH&CN phát triển chậm. Chưa xây dựng và hình thành được các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Kinh phí cho KH&CN chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước, chưa huy động nhiều nguồn lực xã hội. Tiềm lực KH&CN, cơ sở vật chất trang thiết bị nghiên cứu KH&CN còn thiếu và yếu.

B. Xây dựng Kế hoạch và Dự toán ngân sách KH&CN năm 2015

1. Dự toán thu ngân sách Nhà nước 2015

Căn cứ vào kết quả công tác và tình hình thực tế hoạt động của đơn vị, theo chức năng nhiệm vụ, Sở KH&CN Bắc Giang dự toán thu NSNN năm 2015 với tổng số thu là 615 triệu đồng, trong đó:

- Thu phí, lệ phí: 15 triệu đồng
- Thu sự nghiệp khác: 600 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách Nhà nước 2015

2.1. Chi quản lý hành chính

Căn cứ vào số biên chế của Sở được giao; căn cứ một số văn bản hướng dẫn về chế độ tiền lương và tình hình thực tế của đơn vị, Sở KH&CN Bắc Giang dự toán kinh phí quản lý nhà nước cho năm 2015 là **6.937 triệu đồng**, trong đó: kinh phí tự chủ là 5.482 triệu đồng, kinh phí không tự chủ là 1.455 triệu đồng.

2.2. Chi sự nghiệp KH&CN

Theo hướng dẫn của Bộ KH&CN; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và thực tế hoạt động sự nghiệp KH&CN của toàn tỉnh, Sở KH&CN xây dựng dự toán chi cho hoạt động sự nghiệp KH&CN năm 2015 là **27.886 triệu đồng**.

(Phụ lục số 09 đính kèm)

2.3. Chi đầu tư phát triển KH&CN

Căn cứ vào các quyết định đã được phê duyệt và kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, Sở KH&CN xây dựng kế hoạch kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN năm 2015 là:

- Thực hiện mới dự án “Đầu tư thiết bị quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” với tổng kinh phí là 19.991.492.000 đồng. Trong đó năm 2015 là 10.000.000.000 đồng, năm 2016 là 9.991.492.000 đồng.

- Thực hiện mới dự án “Xây dựng nhà bảo quản, giới thiệu Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang” với tổng kinh phí là 30.000.000.000 đồng. Trong đó năm 2015 là 15.000.000.000 đồng, năm 2016 là 15.000.000.000 đồng.

Trên đây là Kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN của tỉnh Bắc Giang năm 2015. Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *kt*

- Bộ Khoa học và Công nghệ (02 bản);
- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh (b/c);
- bandiaphuong@most.gov.vn;
- Lãnh đạo Sở;
- KHTC.



Nguyễn Đức Kiên

Tên đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang



**CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2013 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

Số TT	Tên kết quả	Xuất xứ của kết quả (cơ quan tạo ra, tên đề tài/dự án, cấp quản lý, tên chủ nhiệm)	Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật chủ yếu	Hiệu quả kinh tế- xã hội (*)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và biện pháp phòng chống bệnh tai xanh ở lợn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	- Cơ quan chủ trì: Chi cục Thú y tỉnh Bắc Giang - Tên đề tài: Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ và biện pháp phòng chống bệnh tai xanh ở lợn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang - Cấp quản lý: cấp tỉnh - Tên chủ nhiệm: Lê Văn Dương	Phân lập vi khuẩn kén phát từ bệnh phẩm lợn nghi mắc bệnh Tai xanh; xác định một số đặc tính sinh vật hóa học, độc lực,...điều trị thử nghiệm vắc xin phòng vi khuẩn kén phát gây viêm phổi ở lợn. Xây dựng mô hình phòng chống bệnh Tai xanh ở lợn	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ về bệnh Tai xanh ở lợn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và đề xuất các biện pháp phòng chống bệnh hiệu quả, góp phần khống chế dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	Nghiệm thu đạt loại xuất sắc
2	Xây dựng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên nền tảng mã nguồn mở	- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông - Tên dự án: Xây dựng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên nền tảng mã	Xây dựng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên nền tảng mã nguồn mở Drupal	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trên nền tảng mã nguồn mở Drupal đáp ứng yêu cầu kỹ thuật,	Nghiệm thu đạt loại xuất sắc

	<p>được ứng dụng rộng rãi trong các đơn vị.</p>		<p>nguồn mở - Cấp quản lý: cấp tỉnh - Tên chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nam</p>	
<p>Nghiệm thu đạt loại xuất sắc</p>	<p>- Đề xuất các giải pháp nhằm giảm tỷ số giới tính khi sinh - Xây dựng mô hình truyền thông tư vấn không tham gia lựa chọn giới tính thai nhi, góp phần giảm mất cân bằng giới tính</p>	<p>- Đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ số giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1999-2011 - Xây dựng, thử nghiệm, đánh giá hiệu quả bước đầu một số biện pháp can thiệp nhằm giảm tỷ số giới tính khi sinh</p>	<p>- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế - Tên đề tài: Thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Bắc Giang và hiệu quả một số biện pháp can thiệp - Cấp quản lý: cấp tỉnh - Tên chủ nhiệm: Hàn Thị Hồng Thủy</p>	<p>3</p>
<p>Nghiệm thu đạt loại xuất sắc</p>	<p>Chuyên gia và tiếp nhận công nghệ sử dụng dung dịch khử trùng supowa phức vụ công tác khử trùng, chống nhiễm khuẩn tại các bệnh viện</p>	<p>Mô hình sản xuất dung dịch khử trùng supowa công suất 120 lít/h và 9 thiết bị điều chế supowa công suất 60 lít/h đảm bảo các tiêu chuẩn của Bộ Y tế để sử dụng trong bệnh viện</p>	<p>- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Y tế dự phòng - Tên dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng dung dịch khử trùng kiểm soát nhiễm khuẩn tại các bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang - Cấp quản lý: cấp nhà nước - Tên chủ nhiệm: Đặng Thanh Minh</p>	<p>4</p>

Tên đơn vị Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang



KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2013 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học được đăng tải trên các tạp chí quốc tế	Không có		
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ hoặc chấp nhận đơn	-	-	
III	Doanh nghiệp KH&CN mới được hình thành	Thành lập mới 02 doanh nghiệp KH&CN của tỉnh		
IV	Kết quả khác	Hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch công tác đặt ra. Năm 2014 UBND tỉnh Bắc Giang phối hợp với Bộ KH&CN tổ chức thành công chuỗi sự kiện trình diễn và kết nối cung cầu khu vực Bắc Bộ; ký kết các chương trình hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước		

Tên đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang

THỐNG KÊ CÁN BỘ KHOA HỌC CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỰC THUỘC

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu- phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN	Nhân lực hiện có đến 30/6/2014					Quỹ lương và chi bộ máy SNKH (tr.đ)	Ghi chú (*)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH					
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp	Nghiên cứu viên chính	Nghiên cứu viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN	Số 02/ĐK-KHCN ngày 31/7/2012	16	12	0	0	0	895	Hợp đồng dài hạn: 02 người, quỹ lương: 72,56 triệu
2	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Số 418/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	11	11	0	0	0	487,178	Hợp đồng dài hạn: 05 người, quỹ lương: 193,366 triệu
3	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Số 01/KHCN-GPKD	16	9	0	0	0	859	Hợp đồng dài hạn: 07 người, quỹ lương: 294,75 triệu đồng



Tên đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN
(năm 2015)**

Số TT	Tên dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện		Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Kinh phí bố trí năm 2015 (triệu đồng)	Số Quyết định phê duyệt
				Bắt đầu	Kết thúc			
I	Dự án chuyển tiếp	Không có						
II	Dự án mới							
1	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2015	2016	19.991,492	10.000	Chưa có Quyết định phê duyệt
2	Xây dựng nhà bảo quản, giới thiệu Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	- Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng - Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	2015	2016	30.000	15.000	Chưa có Quyết định phê duyệt

Tên đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN (năm 2014)**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được	
			Số lượng	Ghi chú
I	Công tác quản lý KH&CN			
1	Thẩm định dự án đầu tư	DA	01	
2	Thẩm định hợp đồng CGCN	HĐ	0	
3	Giám định công nghệ	CN	0	
II	Công tác an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Hướng dẫn hồ sơ cấp giấy phép cho các cơ sở	Cơ sở	02	
2	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn bức xạ	Giấy phép	02	
III	Công tác sở hữu trí tuệ			
1	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ	Đơn	93	
2	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	21	
IV	Công tác thông tin KH&CN			
1	Số ấn phẩm thông tin phát hành: - Bản tin thông tin KH&CN - Chuyên san nông thôn miền núi - Chuyên mục KH&CN trên đài PTTH tỉnh	Ấn phẩm Ấn phẩm Số	4.200 4.200 16	
2	Kết quả khác - Tổ chức thực hiện truyền thông tại xã Hồng Thái và Song Mai với chủ đề “Phổ biến thông tin công nghệ sản xuất nông sản an toàn xây dựng và phát triển thương hiệu”. - Công bố kết quả nghiên cứu	mô hình ĐTDA	02 05	
V	Công tác Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	6.022	
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Tiêu chuẩn	0	
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Quy chuẩn	0	
4	Số doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước được cấp chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO	Doanh nghiệp, đơn vị	43	
VI	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	06	
2	Số lượt đơn vị được thanh tra	Đơn vị	100	
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý	Vụ	09	
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Triệu đồng	12,2	

Tên đơn vị: **Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang**



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KH&CN CẤP BỘ, CẤP TỈNH NĂM 2015

Số TT	Tên đề tài, dự án	Cơ quan chủ trì/chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Tổng số	Kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc		KP hỗ trợ từ NSNN		Dự kiến kinh phí năm 2015	
						Tổng	Đã cấp đến hết năm 2014		
A	Chuyển tiếp sang 2015								
I	Chương trình nông thôn miền núi								
1	Ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển vùng nguyên liệu địa hoàng theo hướng GACP-WHO và chế biến một số thành phẩm từ địa hoàng	- CTCP được phẩm Bắc Giang - Trần Thanh Thủy	4/2012	3/2015	6.385	2.320 - TW: 2.320	2.320 - TW: 2.320	0 - TW: 0	DA TW ủy quyền địa phương quản lý
2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến xây dựng mô hình sản xuất hoa chất lượng cao tại Bắc Giang	- UBND thành phố Bắc Giang - Nguyễn Duy Hiếu	4/2013	3/2015	8.000	3.200 - TW: 2.800 - Tỉnh: 400	1.300 - TW: 900 - Tỉnh: 400	1.900 - TW: 1.900 - Tỉnh: 0	DA TW quản lý
3	Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh bạch đàn và keo tai tượng tại	- Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp	01/2013	12/2015	2.729,395	1.418,24 - TW: 1.080 - Tỉnh: 338,24	1.332,8 - TW: 1.080 - Tỉnh: 252,8	85,44 - TW: 0 - Tỉnh: 85,44	DA TW ủy quyền địa phương quản lý

	Bắc Giang	Yên Thế - Hoàng Văn Chúc							
4	Ứng dụng tiên bộ KH&CN sản xuất giống và nuôi thương phẩm lợn lai 3-4 máu ngoại tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	- UBND huyện Việt Yên - Chu Minh Nguyệt	4/2014	3/2016	6.500	3.130 - TW: 2.810 - Tỉnh: 320	700 - TW: 700 - Tỉnh: 0	2.110 - TW: 2.110 - Tỉnh: 320	DA TW quản lý
5	Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống và bảo quản khoai tây sạch bệnh tại tỉnh Bắc Giang	- Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN - Đỗ Đăng Lộc	4/2014	12/2015	6.500	3.500 - TW: 3.050 - Tỉnh: 450	3.500 - TW: 700 - Tỉnh: 450	2.350 - TW: 2.350 - Tỉnh: 0	DA TW quản lý
6	Ứng dụng tiên bộ KH&CN xây dựng vườn giống cam sạch bệnh tại tỉnh Bắc Giang	- Phòng NN&PTNT Yên Thế - Đặng Văn Đông	5/2014	12/2015	3.500	2.010 - TW: 2.010	700 - TW: 700	1.310 - TW: 1.310	DA TW quản lý
II	Chương trình phát triển tài sản trí tuệ								
1	Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Gạo thơm Yên Dũng” dùng cho sản phẩm gạo thơm của	- Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN - Nguyễn Thị Hà	4/2013	3/2015	713,3	686,9 - TW: 486 - Tỉnh: 200,9	636,9 - TW: 436 - Tỉnh: 200,9	50 - TW: 50 - Tỉnh: 0	DA TW ủy quyền địa phương quản lý

	huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang								
2	Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “miến dong Sơn Động” dùng cho sản phẩm miến dong của huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	- Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN - Triệu Ngọc Trung	5/2014	12/2015	680	680 - TW: 577 - Tỉnh: 103	287,781 - TW: 230 - Tỉnh: 57,781	399,219 - TW: 347 - Tỉnh: 52,219	DA TW ủy quyền địa phương quản lý
	Tổng số				35.007,695	16.945,14	10.777,481	8.204,659	
III	Đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh								
1	Ứng dụng các tiến bộ KH&CN trồng trọt, chế biến và bảo quản dược liệu Nguru tât (Achyranthes bidentata Blume) theo tiêu chí GAP-WHO nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và tăng thu nhập cho nông dân tỉnh Bắc Giang	- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Đông Á - Lê Minh Nguyệt	6/2013	5/2015	1.123,407	704,551	568,137	136,414	
2	Nghiên cứu xây dựng bản đồ nông hoá, thổ nhưỡng phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng	- Viện Thổ nhưỡng Nông hóa - Nguyễn Thành Long	6/2013	6/2015	4.316,87	4.136,24	2.844,24	1.292	

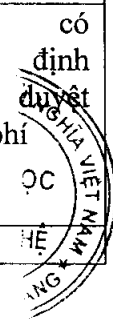


	và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp huyện Việt Yên, Yên Dũng, Lục Nam, Yên Thế, Sơn Động và thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang								
3	Nghiên cứu, lựa chọn giống lúa có năng suất và chất lượng bổ sung vào cơ cấu giống lúa của tỉnh, phục vụ xây dựng vùng sản xuất hàng hóa của tỉnh Bắc Giang.	- Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội - Nguyễn Mai Thơm	6/2013	5/2015	3.148,074	689,226	419,42	269,806	
4	Nghiên cứu thực trạng phân bố rừng để tái sinh nhân tạo, đề xuất hướng bảo tồn và phát triển bền vững cây để ăn quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	- Trung tâm giống cây ăn quả và cây lâm nghiệp Bắc Giang - Nguyễn Năng Ban	01/2014	12/2015	574,8	420,55	230,095	190,455	
5	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình của cán bộ	- Trường Chính trị tỉnh - Thân Minh Quế	01/2014	6/2015	300	300	202,14	97,86	

	chủ chốt cấp xã ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay								
6	Nghiên cứu trồng thử nghiệm cây Ba kích dưới tán cây lâm nghiệp, cây ăn quả tại Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	- Hội Nông dân tỉnh - Lã Văn Đoàn	01/2014	12/2015	506,6	418,5	277,56	190,94	
7	Nghiên cứu, tuyển chọn, nhân giống và trồng thử nghiệm một số loài cây dược liệu trên địa bàn huyện Lục Nam và huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	- CTCP lâm y dược Bắc Sơn - Kim Ngọc Quang	01/2014	12/2015	1.132,342	682,114	472,68	209,434	
8	Nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ sản xuất lúa lai hai dòng, ba dòng đạt năng suất cao tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	- Viện nghiên cứu và phát triển cây trồng- Trồng- Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội - Vũ Hồng Quang	01/2014	12/2015	2.405,002	796,53	198,262	598,268	
9	Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa	- Trung tâm nghiên cứu	02/2014	01/2016	677,756	427,756	160,008	267,748	

	học và công nghệ xây dựng mô hình trồng các giống hoa đào mới tại thành phố Bắc Giang	và phát triển hoa cây cảnh- Viện Nghiên cứu rau quả - Đặng Văn Đông							
10	Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến một số giống nấm mới tại Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN Bắc Giang	- Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN - Nguyễn Văn Chức	3/2014	12/2015	1.377,91	505	404,194	100,806	
11	Xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ để phát triển đàn trâu lai hướng thịt tại Bắc Giang	- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền núi - Nguyễn Văn Đại	01/2014	12/2015	656,796	437,731	247,456	190,275	
12	Nghiên cứu bào chế thực phẩm chức năng RegluBG có tác dụng hạ đường huyết, nhuận tràng bổ huyết từ cây địa hoàng (Rehmannia glutinosa (Gaertn.)	- CTCP Dược phẩm Bắc Giang - Nguyễn Văn Sinh	01/2014	6/2015	420,562	345,214	269,224	75,99	

	Libosch.) trồng ở Bắc Giang								
	Tổng số							3.619,996	
B	Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2015								
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp thiết								
1	Đề án: Bảo tồn phát huy giá trị di sản Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang - Sở KH&CN Bắc Giang - Lương Hồng Quang	2014	2016	10.000	10.000	0	5.000	Chưa có quyết định phê duyệt kinh phí	
	Tổng số			10.000	10.000	0	5.000		



Tên đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang



TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN

Số TT	Tên dự án/ công trình	Căn cứ pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)		
					Bắt đầu	Kết thúc	Tổng vốn đầu tư	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2014	Kế hoạch năm 2015
I	Dự án chuyển tiếp	Không có							
II	Dự án mới								
1	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Chưa có quyết định phê duyệt	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	2015	2016	19.991,492	0	10.000
2	Xây dựng nhà bảo quản, giới thiệu Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang	Chưa có quyết định phê duyệt	Sở Khoa học và Công nghệ	- Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng - Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên	2015	2016	30.000	0	15.000



ĐU KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015

Kèm theo Kế hoạch số 39 /KH-KHCN ngày 25/6/2014 của Sở KH&CN)

Phụ lục số 09

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí trung ương thông báo năm 2014	Kinh phí UBND tỉnh phê duyệt năm 2014 (sau khi trừ tiết kiệm 3 lần)	Ước thực hiện 2014	Dự kiến kế hoạch 2015
	Tổng số	47.311	21.860	21.860	52.886
	Trong đó				
I	Tổng kinh phí đầu tư cho phát triển KH&CN	25.000	0	0	25.000
II	Tổng kinh phí sự nghiệp khoa học	22.311	21.860	21.860	27.886
1	Chi hoạt động nghiên cứu-ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống;		14.227	14.227	19.616
1.1	Hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước, cấp tỉnh chuyên tiếp		4.800	4.800	8.516
1.2	Hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2015		3.447	3.447	4.000
1.3	Kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện dự án KH&CN cấp Nhà nước		680	680	0

TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí trung ương thông báo năm 2014	Kinh phí UBND tỉnh phê duyệt năm 2014 (sau khi trừ tiết kiệm 3 lần)	Ước thực hiện 2014	Dự kiến kế hoạch 2015
1.4	Đổi ứng thực hiện các dự án KH&CN cấp Nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2015		600	600	700
1.5	Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp ngoài nước cho một số sản phẩm của tỉnh		569	569	600
1.6	Hỗ trợ thực hiện các mô hình, đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở của 10 huyện, thành phố và các sở, ban, ngành		1.550	1.550	1.700
1.7	Hỗ trợ thực hiện các mô hình thử nghiệm và nhân rộng của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN		550	550	500
1.8	Kinh phí dự phòng các ĐT DA bổ sung 2015		2.031	2.031	2.100
1.9	Ứng dụng công nghệ CAS bảo quản vải thiều				1.000
1.10	Thực hiện kế hoạch phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh				500

TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí trung ương thông báo năm 2014	Kinh phí UBND tỉnh phê duyệt năm 2014 (sau khi trừ tiết kiệm 3 lần)	Ước thực hiện 2014	Dự kiến kế hoạch 2015
2	Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo khoa học; mua văn phòng phẩm; phô tô tài liệu phục vụ hoạt động sự nghiệp KH&CN; công tác kiểm tra lĩnh vực QLNN về KH&CN; nhiệm vụ đột xuất về KH&CN; đào tạo, tập huấn; hợp tác quốc tế về KH&CN		800	800	800
3	Hoạt động kết nối cung-cầu		500	500	0
4	Mua sắm máy móc, thiết bị tăng cường tiềm lực KH&CN		200	200	200
5	Các nhiệm vụ phục vụ công tác chuyên môn		5.668	5.668	5.990
5.1	Hoạt động quản lý khoa học		344	344	418
5.2	Hoạt động quản lý công nghệ		32	32	46
5.3	Hoạt động quản lý chuyên ngành		121	121	121
5.4	Hoạt động quản lý KH&CN cơ sở		92	92	92
5.5	Hoạt động thanh tra KH&CN		75	75	62
5.6	Xây dựng kế hoạch; xác định danh mục các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, cấp nhà nước		60	60	60

TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí trung ương thông báo năm 2014	Kinh phí UBND tỉnh phê duyệt năm 2014 (sau khi trừ tiết kiệm 3 lần)	Ước thực hiện 2014	Dự kiến kế hoạch 2015
5.7	Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (kể cả hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL, thực hiện dự án nâng suất chất lượng, đề án TBT)		1.500	1.500	1.371
5.8	Hoạt động tin học và thông tin KH&CN; Tạp chí KH&CN (kể cả lương của các biên chế)		2.400	2.400	2.754
5.9	Hoạt động của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN (Kể cả lương các biên chế)		894	894	966
5.10	Hoạt động của Hội đồng KH&CN tỉnh		150	150	100
6	Hoạt động của Hội đồng KH&CN các sở, ngành		175	175	180
7	Hoạt động KH&CN cấp huyện, thành phố		290	290	300
8	Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh				300
9	Thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động KH&CN giữa UBND tỉnh Bắc Giang và các cơ quan Trung ương				500

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ NĂM 2013

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao (kể cả bổ sung, năm trước chuyển sang)	Quyết toán năm	So sánh DT	
				Tuyệt đối: Tăng(+) Giảm (-)	Tương đối: (%)
	Tổng số	29.865.270.077	26.967.347.892	-2.897.922.185	
I	Nguồn ngân sách trong nước	29.821.968.077	26.951.667.892	-2.870.300.185	
L460-463	Quản lý nhà nước	6.185.000.000	6.184.896.000	-104.000	99,998
1	Khối Văn phòng Sở	4.609.000.000	4.608.896.000	-104.000	99,998
	Kinh phí thực hiện tự chủ	2.969.000.000	2.969.000.000	0	100,0
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.640.000.000	1.639.896.000	-104.000	99,994
2	Chi cục TCĐLCL	1.576.000.000	1.576.000.000	0	100,0
	Kinh phí thực hiện tự chủ	1.384.000.000	1.384.000.000	0	100,0
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	192.000.000	192.000.000	0	100,0
L370-373	Chi sự nghiệp khoa học	23.636.968.077	20.766.771.892	-2.870.196.185	87,9
	Khối Văn phòng Sở	19.563.968.077	16.693.771.892	-2.870.196.185	85,3
	Chi cục TCĐLCL	525.000.000	525.000.000	0	100,0
	Trung tâm ứng dụng TBKHCN	886.000.000	886.000.000	0	100,0
	Trung tâm tin học và thông tin KHCN	2.156.000.000	2.156.000.000	0	100,0
	Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL	506.000.000	506.000.000	0	100,0
2	Phí, lệ phí	43.302.000	15.680.000	-27.622.000	
	Khối Văn phòng Sở	42.822.000	15.200.000	-27.622.000	
	Chi cục TCĐLCL	480.000	480.000		

TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao (kể cả bổ sung, năm trước chuyển sang)	Quyết toán năm	So sánh DT	
				Tuyệt đối: Tăng(+) Giảm (-)	Tương đối: (%)
3	<i>Nguồn khác</i>	0	0	0	
	Khối Văn phòng Sở		0		
	Chi cục TCĐLCL		0		
	Trung tâm ứng dụng TBKHCN		0		
	Trung tâm tin học và thông tin KHCN		0		
	Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL		0		



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Kèm theo Kế hoạch số 39 /KH-KHCN ngày 25/6/2014 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2014	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2014	So sánh ước thực hiện 6 tháng với giao dự toán	
				Tương đối (%)	Tuyệt đối (+) (-)
A	Phần thu	595.000.000	465.450.000	78,2	-129.550.000
1	Phí, lệ phí	10.000.000	7.250.000	72,5	-2.750.000
2	Thu sự nghiệp	580.000.000	446.000.000	76,9	-134.000.000
3	Thu phạt thanh tra	5.000.000	12.200.000	244,0	7.200.000
B	Phần chi	28.322.000.000	11.662.000.000	41,2	-16.660.000.000
I	Kinh phí Quản lý nhà nước	6.462.000.000	2.858.000.000	44,2	-3.604.000.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	4.798.000.000	2.354.000.000	49,1	-2.444.000.000
	Khối Văn phòng Sở	3.291.000.000	1.600.000.000	48,6	-1.691.000.000
	Chi cục TCĐLCL	1.507.000.000	754.000.000	50,0	-753.000.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.664.000.000	504.000.000	30,3	-1.160.000.000
	Khối Văn phòng Sở	1.343.000.000	400.000.000	29,8	-943.000.000
	Chi cục TCĐLCL	321.000.000	104.000.000	32,4	-217.000.000
II	Kinh phí sự nghiệp	21.860.000.000	8.804.000.000	40,3	-13.056.000.000
1	Trung tâm tin học	2.400.000.000	1.020.000.000	42,5	-1.380.000.000
	KP thường xuyên	895.000.000	450.000.000	50,3	-445.000.000
	KP không thường xuyên	1.505.000.000	570.000.000	37,9	-935.000.000
2	Trung tâm ứng dụng	1.444.000.000	557.000.000	38,6	-887.000.000
	KP thường xuyên	859.000.000	328.000.000	38,2	-531.000.000
	KP không thường xuyên	585.000.000	229.000.000	39,1	-356.000.000
3	Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL	1.013.000.000	387.000.000	38,2	-626.000.000
4	Trung tâm Kỹ thuật TĐC	487.000.000	179.000.000	36,8	-308.000.000
	Kinh phí thường xuyên	437.000.000	172.000.000	39,4	-265.000.000
	Kinh phí không thường xuyên	50.000.000	7.000.000	14,0	-43.000.000
5	Khối Văn phòng Sở	16.516.000.000	6.661.000.000	40,3	-9.855.000.000